TAND HUYỆN LỤC NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24/04/2018
V/v: Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Hoàng Văn Toan
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Từ Minh Hải
2/ Ông Nguyễn Xuân Chung

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- ***Đại diện VKSND huyện L tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thành- KSV.

Ngày 17/4/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2018/TLST- HNGĐ ngày 26/2/2018 về "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXX- ST ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn H 1, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H2 sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện không công nhận vợ chồng ghi ngày 21/8/2017, các bản tự khai chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn trình bày: Chị kết hôn với anh H2 năm 1998. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Cưới xong chị và anh H2 về chung sống với nhau ngay. Chị và anh H2 sống hòa thuận được một thời gian thì đến năm 2002 chị và anh H2 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến nhiều lúc chị và anh H2 xảy ra xô xát, không bảo được nhau, việc của ai người đó làm. Chị bỏ về gia đình mẹ đẻ ở từ năm 2002, chị và anh H2 cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ đó. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh H2 không còn chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh H2 là vợ chồng.

Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Do công việc bận chị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H2 xác nhận toàn bộ lời khai của chị C là đúng kể từ khi chị C bỏ về gia đình mẹ đẻ sống cho đến nay anh cũng không đón gọi chị C về để chung sống. Nay xét thấy tình cảm giữa anh và chị C không xây dựng được hạnh phúc với nhau, chị C đề nghị Tòa án không công nhận giữa anh và chị C là vợ chồng, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị tòa án giải quyết.

Do công việc bận anh xin được vắng mặt tại các phiên họp cụng khai chứng cứ và phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên toà đại diện VKS phát biểu ý kiến, thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, các đương sự đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX xét xử vụ án và áp dụng các Điều 14; 15; 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn H2 là vợ chồng.

Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào ý kiến của KSV, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:* Chị C và anh H2 đều nhận được các quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do công việc bận chị C và anh H2 đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn H2 về chung sống với nhau từ năm 1998. Trước khi về chung sống hai bên được tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn. Mặc dù có con chung nhưng tình cảm giữa chị C và anh H2 vẫn không xây dựng hạnh phúc được với nhau. Từ năm 2002 giữa chị C và anh H2 luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra xô xát, từ đó chị C và anh H2 không quan tâm gì đến nhau, việc của ai người đó làm, sống lạnh nhạt không có hạnh phúc, chị C và anh H2 chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị C đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh H2 không là vợ chồng, anh H2 hoàn toàn nhất trí. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị C và anh H2 không còn nên cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị C và anh H2. Xét như vậy là phù hợp với Điều 14; 15; 53 luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Chị C và anh H2 không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 14; 15; 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn H2 là vợ chồng.

2/ Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2017/0003017 ngày 26/02/2018 tại chi cục thi hành án huyện L. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận :
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh , Huyện;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- UBND xã T ;
- UBND xã H1;
- Ng□ời tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ . VP./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toan

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**